

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Ngọc Ánh
2. Ông Hà Đình Sở

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị S, Sinh năm 1973

Bị đơn: Anh Đình Văn V, Sinh năm 1970

Đều có địa chỉ: Phố H S, Thị trấn Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.
(Chị S và anh V đều có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Chí L - Chức vụ Phó Giám đốc (theo văn bản ủy quyền ngày 24/7/2019).

Địa chỉ: Phố H S, thị trấn Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị S kết hôn với anh V có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th L, huyện Th S, tỉnh Vĩnh Phú năm 1991 (nay là tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình bố mẹ đẻ anh V được khoảng một năm thì bố mẹ anh V cho đất để vợ chồng ra ở riêng. Trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vợ chồng không hợp nhau, không bảo nhau được việc làm ăn kinh tế nên dẫn đến cãi nhau, những lúc nóng giận anh V cũng có đánh chị S, nhưng lâu rồi chị không nhớ. Đến năm 2016 chị S đi xuất khẩu lao động, đến đầu năm 2019 chị S về nước, vợ chồng hiện tại vẫn ở cùng nhau, tuy nhiên vợ chồng không được hạnh phúc, không có tình cảm gì, chị S nhận thấy không còn chung sống được với anh V nên xin ly hôn.

Về con chung: Chị S trình bày vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị L, sinh ngày 01/8/1992 và Đinh Thị H, sinh năm 1995, hiện các cháu đều đã thành niên có công ăn việc làm. Nếu ly hôn chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị S trình bày vợ chồng có ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 2007 cùng bếp và công trình phụ kèm theo, làm trên đất đứng tên hai vợ chồng, địa chỉ thửa đất ở Phô H S, thị trấn Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay nhà và đất đã thế chấp tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Th S. Nếu ly hôn quan điểm chị S không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung, chị để lại toàn bộ tài sản chung cho anh V sở hữu, sử dụng.

Về nợ chung: Chị S trình bày khoảng tháng 7 năm 2019 vợ chồng có vay Ngân hàng NN&PTNT huyện Th S số tiền 200.000.000đ, khi vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai vợ chồng và toàn bộ tài sản trên đất. Mục đích vay tiền để cho con đi xuất khẩu lao động.

Nếu ly hôn quan điểm chị S không đề nghị Tòa án giải quyết, chị S sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng trong thời gian sớm nhất.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn anh Đinh Văn V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh V xác nhận về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn của vợ chồng như chị S trình bày là đúng. Theo anh V vợ chồng sống không có mâu thuẫn gì, vẫn hòa hợp và hạnh phúc. Đến năm 2016 kinh tế gia đình khó khăn chị S đi xuất khẩu lao động, đến đầu năm 2019 chị S về thì vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau, cùng làm ăn kinh tế. Nay chị S có đơn ly hôn anh V nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Đinh Văn V trình bày vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị L, sinh ngày 01/8/1992 và Đinh Thị H, sinh năm 1995, hiện các cháu đều đã thành niên, có công ăn việc làm. Nếu ly hôn anh V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Đinh Văn V trình bày vợ chồng có ngôi nhà cấp 4, xây dựng năm 2007 cùng bếp và công trình phụ kèm theo, làm trên đất đứng tên hai vợ chồng, địa chỉ thửa đất ở Phố H S, thị trấn Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Hiện nay nhà và đất đã thế chấp tại Ngân hàng NN&PTNT huyện Th S. Nếu phải ly hôn quan điểm anh V xin được sở hữu, sử dụng tài sản chung ở trên.

- Về nợ chung: Anh Đinh Văn V trình bày khoảng tháng 7 năm 2019 vợ chồng có vay Ngân hàng NN&PTNT huyện Th S số tiền 200.000.000đ, khi vay có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai vợ chồng và toàn bộ tài sản trên đất. Mục đích vay tiền để cho con rê đi xuất khẩu lao động.

Nếu ly hôn quan điểm anh V là chị S cầm toàn bộ số tiền trên, anh không được cầm, không được tiêu, vì vậy chị S phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ, lãi suất phát sinh cho Ngân hàng theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Th S - đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Chí L tại bản tự khai trình bày:

Ngày 9/7/2019 anh Đinh Văn V và chị Nguyễn Thị S có ký hợp đồng tín dụng số 2715 - LAV -2019 04540 với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Th S Chi nhánh huyện Th S vay số tiền 200.000.000đồng, lãi xuất 12%/năm, dư nợ tại thời điểm 04/11/2019 là 200.000.000đồng (Hai trăm triệu đồng).

Nay chị Hoàng Thị S và anh Đinh Văn V ly hôn quan điểm của Ngân hàng như sau: Trường hợp có phân chia tài sản thì ai là người sở hữu, sử dụng tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thửa đất số 98-1, tờ bản đồ số 50, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 528926 địa chỉ tại Khu H S, thị trấn Th S, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ thì người đó phải có trách nhiệm trả nợ tiền vay, tiền lãi phát sinh và phí (nếu có) cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Th S Phú Thọ.

Trường hợp không phân chia tài sản: Yêu cầu cả chị Hoàng Thị S và anh Đinh Văn V phải có trách nhiệm trả nợ số tiền vay, tiền lãi phát sinh và phí (nếu có) cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Th S Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th S:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị S.

Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh Đinh Văn V, đối chiếu với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Do vậy, xác định đây là tranh chấp về Hôn nhân gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Th S có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xem xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị S và anh Đinh Văn V, Hội đồng xét xử thấy rằng chị Hoàng Thị S và anh Đinh Văn V có sự tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th L, huyện Th S, tỉnh Vĩnh Phú năm 1991 (nay là tỉnh Phú Thọ). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị S cho rằng tình cảm vợ chồng không còn và có đơn đề nghị Tòa giải quyết cho ly hôn anh V. Phía anh V quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn chỉ là bất đồng nhỏ mà gia đình nào cũng có, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn do vậy anh xin đoàn tụ.

Sau khi xem xét đơn ly hôn của chị S và quá trình làm việc Tòa án ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ đối với chị S về tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng nhưng chị S không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án không thể căn cứ vào lời khai của một phía để giải quyết vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại khu dân cư nơi chị S và anh V cư trú hàng ngày thì xác định: Gia đình chị S không có mâu thuẫn gì, vợ chồng các con sống hòa thuận hạnh phúc. Nay chị S xin ly hôn quan điểm của khu hành chính đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị được về chung sống đoàn tụ.

Như vậy có thể thấy thực tế đời sống chung vợ chồng giữa chị S và anh V thực tế vẫn tồn tại, mâu thuẫn vợ chồng chỉ là những bất đồng nhỏ trong sinh hoạt hàng ngày. Tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh V khẳng định vẫn còn tình cảm với ch và tha thiết xin được đoàn tụ do đó những mâu thuẫn này vẫn có khả năng khắc phục để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy chưa có đủ căn cứ để cho chị S được ly hôn anh V vì vậy căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S là có cơ sở và đúng pháp luật.

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị S không được chấp nhận nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị S về việc ly hôn với anh Đinh Văn V.

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Xác nhận chị S đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0001802 ngày 31/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại Trụ sở UBND nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện.
- Cơ quan THADS huyện.
- UBND xã Th L
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Cẩm Vân